

Số: 51/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

Số: 2718

Ngày: 29/12/2025

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương

đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo

h bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi giai đoạn 2026 - 2035;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia

về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, gồm:

a) Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục I);

b) Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục II);

c) Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục III).

2. Quyết định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương có liên quan (gọi chung là bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã; các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT L.N.Châu		X
PCT TT L.A.Quân		
PCT V.T.Phụng		
PCT L.T.Kiên		
PCT N.M.Hùng		
PCT T.V.Quân	X	
PCT H.M.Cường		
CVP H.V.Thực		X
PCVP N.H.Long		
PCVP T.V.Thiên		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn	X	
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT	X	
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xã nhóm 1 là xã liền kề đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị hoặc xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%, hoặc xã được định hướng là đô thị mới.

2. Xã nhóm 2 là xã không thuộc khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Xã nhóm 3 là xã khu vực II và xã khu vực III thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cấp có thẩm quyền phân định theo quy định.

4. Thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại là thí điểm xây dựng xã có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, thông minh; kinh tế phát triển trên cơ sở chuyển đổi số; môi trường sống an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan trung ương liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và các điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trong thời gian 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này, phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan đôn đốc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên phạm vi cả nước;

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan và các địa phương nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh, bổ sung bộ tiêu chí nêu trên, phù hợp với điều kiện thực tế;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan và các địa phương xây dựng quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương liên quan đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể hóa việc áp dụng các nội dung tiêu chí phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm mức yêu cầu không thấp hơn mức chuẩn và hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương;

b) Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định này, chủ động rà soát, xác định cụ thể danh sách, số lượng xã trên địa bàn thuộc xã nhóm 1 hoặc xã nhóm 2, hoặc xã nhóm 3 để ban hành và chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới;

c) Căn cứ điều kiện thực tế, đặc thù của địa phương, điểm b khoản 1 Điều 1 và khoản 4 Điều 2 Quyết định này, chủ động ban hành tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại và chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại ở nơi có điều kiện;

d) Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương liên quan đối với các điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và điều kiện thực tế của địa phương, triển khai thực hiện các điều kiện tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

đ) Trường hợp cần thiết, căn cứ điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, ban hành tiêu chí thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (gọi chung là thôn) nông thôn mới, bảo đảm đồng bộ với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn;

e) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Định kỳ 6 tháng và hàng năm cập nhật, công khai báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh, thành phố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, thành phố.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà